

KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG TỔNG VỐN ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 31 /NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2019		KH 2020	So sánh		Ghi chú
		KH năm 2019	Ước TH năm 2019		UTH 2019/KH 2019	KH 2020/UTH 2019	
1	2	3	4	5	6=4/3	7=5/4	8
	TỔNG SỐ	15.328	22.500	23.500	146,8%	104,4%	
A	VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	3.098	3.400	3.870	109,8%	113,8%	
I	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	893	1.054	929	118,1%	88,1%	
1	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP	708	625	828	88%	132%	
2	Vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN	7	7	0,8	106%	11%	
4	Vốn tăng thu, kết dư ngân sách	128	361		282%		
5	Vốn doanh nghiệp nhà nước	50	61	100	122%	164%	
II	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.235	1.276	1.761	103%	138%	
1	Vốn Chương trình mục tiêu	740	930	1.256,0	126%	135%	
	+ Vốn trong nước	379	400	626,0	106%	157%	
	+ Vốn ngoài nước	361	530	630	147%	119%	
2	Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia	146	146	189	100%	129%	
3	Vốn Trái phiếu Chính phủ	350	200	316	57%		
	Giao thông						
	Thủy lợi	350	200	316			
	Giáo dục						
III	VỐN CÁC BỘ NGÀNH TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ	970	1.070	1.180	110%	110%	
1	Bộ Nông nghiệp và PTNT	900	1.000	1.050	111%	105%	
2	Bộ Giao thông vận tải	50	50	100			
3	Bộ, ngành khác	20	20	30	100%	150%	
B	VỐN FDI, CÁC THÀNH PHẦN KT VÀ DÂN CƯ	12.230	19.100	19.630	156%	103%	
1	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và các thành phần kinh tế khác	9.080	15.900	16.330	175%	103%	
	- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	2.800	3.950	4.100	141%	104%	
	- Vốn các thành phần KT	6.280	11.950	12.230	190%	102%	
2	Vốn Dân cư	3.150	3.200	3.300	102%	103%	

**BIỂU TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN DO TỈNH QUYẾT ĐỊNH DANH MỤC VÀ
MỨC VỐN CỤ THỂ THEO QUY ĐỊNH GIAO ĐẦU NĂM
KẾ HOẠCH NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 31 /NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

Stt	Chi tiêu	KH đầu năm 2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ	1.019.284	
1	Vốn Cân đối ngân sách địa phương	828.937	
	- Trung ương cân đối	347.737	
	- Thu tiền SD đất	200.000	
	- Xổ số kiến thiết	75.000	
	- Bội chi ngân sách địa phương	206.200	
2	Vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương	828	
3	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	189.519	
a	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	124.590	
b	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	64.929	



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020
VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu		KH năm 2019	Lũy kế Vốn đã bố trí đến hết năm 2019		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
			TMĐT			Tổng số	Trong đó NDP			
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS địa phương						
	TỔNG SỐ				708.080	0	0		828.937	Tăng 120.857 triệu đồng, tăng 17% so với KH năm 2019
	- Trong đó: Vốn TW cân đối				319.380				347.737	Tăng 28.357 triệu đồng, tăng 9% so với KH năm 2019
	Thu tiền đất của các địa phương (Giai đoạn 2016-2020 theo TW thông báo 268 tỷ)				200.000				200.000	
	Vốn Xổ số kiến thiết				75.000				75.000	
	Bội chi NSĐP				113.700				206.200	Tăng 92.500 triệu đồng, tăng 81% so với KH năm 2019
	Phân bổ cho 14 nội dung									
I	THANH TOÁN CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH				61.400	143.960	143.960	32.148	28.700	Tổng số 7 công trình hoàn thành đều chưa phê duyệt quyết toán, kế hoạch năm 2020 bố trí đến 90% TMĐT, đối với công trình hoàn thành đang trình quyết toán bố trí 95% giá trị A-B đề nghị
1	Làng thanh niên lập nghiệp xã Phước Đại	Tinh đoàn	54.000	15.872	4.200	14.280	14.280	1.272	1.200	Chưa QT
2	Chương trình giáo dục THCS vùng khó khăn nhất (7 trường THCS: Võ Văn Kiệt, Hà Huy Tập, Trương Văn Ly, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Huệ, Nguyễn Văn Linh, Phan Bội Châu)	Sở Giáo dục và Đào tạo	41.719	18.000	3.000	11.546	11.546	4.654	4.600	Chưa QT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu		KH năm 2019	Lũy kế Vốn đã bố trí đến hết năm 2019		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
			TMDT			Tổng số	Trong đó NĐP			
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS địa phương						
3	Nhà cộng đồng phòng tránh thiên tai trường mẫu giáo Công Hải, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc	Chi cục Thủy lợi	6.939	3.500	1.000	1.934	1.934	1.166	1.100	Chưa QT
4	Đường Tỉnh lộ 702 đến đèo Khánh Nhơn, thuộc Dự án Đường vành đai phía Bắc tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	74.616	74.616	45.000	51.544	51.544	22.456	15.600	Chưa QT
5	Dự án công nghệ thông tin các cơ quan Đảng Tỉnh Ninh Thuận	Văn phòng Tỉnh ủy	13.000	13.000	5.200	9.100	9.100	2.600	2.600	Chưa QT
6	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Ninh Phước	Sở Giáo dục và Đào tạo	61.814	61.814	3.000	55.556	55.556		3.600	Hoàn thành đang trình quyết toán bố trí 95% giá trị A-B đề nghị
II	PHÂN CẤP VÀ HỖ TRỢ CÁC HUYỆN, TP				159.000			24.611	203.500	
1	Số vốn phân cấp theo tiêu chí				127.000			8.000	139.000	Tại Nghị quyết 43/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Quyết định 70/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn CĐNSĐP gđ 2016-2020 thì vốn phân cấp cho cấp huyện bằng 40% số vốn TW cân đối (347,737 tỷ x 40%=139 tỷ đồng) phân bổ cho các huyện, thành phố theo điểm số.
	Phan Rang - Tháp Chàm (20,14%)									
	Huyện Ninh Phước (13,97%)								27.995	
	Huyện Ninh Sơn (13,97%)								19.418	
	Huyện Thuận Nam (13,33%)								19.418	
	Huyện Ninh Hải (13,26%)								18.530	
	Huyện Thuận Bắc (12,9%)								18.430	
	Huyện Bác Ái (12,41%)								17.931	
									17.278	
2	Hỗ trợ các huyện, TP				32.000			64.611	64.500	
2.1	Hỗ trợ huyện đạt chuẩn đô thị loại IV vào năm 2020	UBND huyện Ninh Sơn							4.000	Theo NQ 13 hỗ trợ mỗi năm 4 tỷ đồng
2.2	Hỗ trợ huyện đạt chuẩn nông thôn mới								3.500	Theo NQ 13 hỗ trợ 3,5 tỷ đồng/huyện. Theo kế hoạch năm 2019 huyện Ninh Phước đạt chuẩn nông thôn mới

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu		KH năm 2019	Lũy kế Vốn đã bố trí đến hết năm 2019		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
			TMDT			Tổng số	Trong đó NDP			
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS địa phương						
2.3	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2019-2020								15.000	Tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND thì mỗi xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2019-2020 hỗ trợ 1.500 triệu đồng/xã. Tại văn bản số 130/VP-HĐND ngày 24/10/2019 của Thường trực HĐND tỉnh đồng ý chủ trương điều chỉnh Nghị quyết số 13/NQ-HĐND để hỗ trợ thêm các xã đạt chuẩn nông thôn mới các năm 2017, 2018 chưa được hỗ trợ. Theo đó, từ năm 2017-2019 có 10 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới chưa được hỗ trợ (năm 2017: 1 xã, năm 2018: 3 xã, năm 2019: 6 xã), tương ứng số vốn 15 tỷ đồng.
	<i>Trong đó:</i>									
	Hỗ trợ xã Thanh Hải	UBND huyện Ninh Hải							1.500	Đã công nhận nhưng chưa được hỗ trợ
	Hỗ trợ xã Phước Hữu	UBND huyện Ninh Phước							1.500	Đã công nhận nhưng chưa được hỗ trợ
	Hỗ trợ xã Lương Sơn	UBND huyện Ninh Sơn							1.500	Đã công nhận nhưng chưa được hỗ trợ
	Hỗ trợ xã Phước Diêm	UBND huyện Thuận Nam							1.500	Đã công nhận nhưng chưa được hỗ trợ
2.4	Hỗ trợ tối đa 60% tổng mức đầu tư các công trình khẩn cấp phát sinh								42.000	UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất trước khi phân bổ chi tiết thực hiện.
III	LẬP, THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH TỈNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 VÀ CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH KHÁC				490				60.510	60.000
	<i>Trong đó:</i>									

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu		KH năm 2019	Luỹ kế Vốn đã bố trí đến hết năm 2019		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
			TMĐT			Tổng số	Trong đó NDP			
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS địa phương						
	Lập, thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư							50.000	Tại Đề án lập nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đang hoàn thiện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó dự toán lập quy hoạch tỉnh là 54.160 triệu đồng, năm 2019 bố trí 490 triệu đồng.
IV	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ				10.000			36.182	15.000	UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất trước khi phân bổ chi tiết thực hiện.
V	HỖ TRỢ QPAN				57.000			41.500	63.500	
1	BCH Quân sự tỉnh				44.000			33.000	33.000	Để thực hiện 4 công trình đang triển khai và hỗ trợ đền bù dự án Doanh trại cơ quan BCH Quân sự tỉnh theo chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy tại công văn số 586-TB/TU ngày 21/6/2019 và công văn số 1361/TTr-BTL ngày 03/10/2019 của Bộ Tư lệnh Quân Khu V (BCH Quân sự tỉnh dự kiến nhu cầu đền bù 40 tỷ).
2	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh				5.000			15.500	15.500	Để thanh toán 1 công trình (Nhà làm việc, ở, trực BCH Hải đội BP 2) và thực hiện chuyển tiếp 1 công trình (Cải tạo sửa chữa đồn Biên phòng Phước Dinh); Hỗ trợ đền bù dự án Trụ sở mới của Sở chỉ huy Biên phòng tỉnh theo cam kết của UBND tỉnh tại công văn số 732/UBND-KTTH ngày 28/02/2019 và Quyết định số 3255/QĐ-BQP ngày 31/7/2019 của Bộ Quốc phòng. Dự án có TMĐT 139.400 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách Quốc phòng 105.000 triệu đồng, NSĐP 34.400 triệu đồng (đền bù 28,3 tỷ đồng, các hạng mục phụ trợ 6,1 tỷ đồng), năm 2020 là 10.000 triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu		KH năm 2019	Lũy kế Vốn đã bố trí đến hết năm 2019		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
			TMĐT			Tổng số	Trong đó NDP			
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS địa phương						
3	Công an tỉnh				8.000			15.000	15.000	Bảng KH trung hạn còn lại để thực hiện các dự án chuyên tiếp và thực hiện Tuyến đường Trần Nhân Tông - đoạn nối giữa tuyến đường Phan Bội Châu đến Trụ sở Công an tỉnh và dự án Nhà tầng thư
VI	DỰ ÁN ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	Sở Tài nguyên và Môi trường	10.000	10.000	3.000			11.000	3.000	Bảng KH 2019
VII	HỖ TRỢ QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT, QUỸ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NHÀ Ở CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG XÃ HỘI				20.000			27.000	20.000	Bảng 10% thu tiền sử dụng đất theo Nghị quyết số 63/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016 về phát triển nhà ở đến năm 2020. UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất mức trích cụ thể cho từng quỹ trước khi phân bổ.
VIII	HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN				0			5.000	5.000	Tại Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh về một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, trong đó quy định nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương hằng năm bố trí để cân đối hỗ trợ đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung. UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất trước khi phân bổ chi tiết triển khai thực hiện.
IX	ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA		4.682.491	743.493	44.300	782.472	221.202	113.838	96.000	
a	Thanh toán công trình hoàn thành		504.700	174.671	13.800	445.851	106.781	6.972	5.600	Tổng số 2 công trình hoàn thành đều chưa quyết toán, bố trí đến 90% TMĐT phần NSDP, không vượt kế hoạch trung hạn
1	Trường trung cấp nghề tỉnh Ninh Thuận	Trường Cao đẳng nghề	423.622	160.749	12.100	382.951	96.381	3.572	3.500	Bố trí 90% TMĐT phần NSDP, không vượt KH trung hạn còn lại

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu		KH năm 2019	Lũy kế Vốn đã bố trí đến hết năm 2019		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
			TMĐT			Tổng số	Trong đó NDP			
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS địa phương						
2	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA II)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	31.651	9.495	800	14.300	6.800	2.600	1.700	Bố trí 90% TMĐT phần NSDP
3	Trồng mới, phục hồi và kết hợp quản lý bảo vệ rừng chống xâm thực bờ biển thuộc địa bàn các huyện Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2015-2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	49.427	4.427	900	48.600	3.600	800	400	Bố trí 90% TMĐT phần NSDP
b	Dự án hoàn thành năm 2020		1.091.004	166.047	20.100	272.430	50.230	14.157	14.100	Bố trí đến 85% TMĐT nhưng không vượt kế hoạch trung hạn còn lại
4	Dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền trung - Khoản vay bổ sung	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	366.769	63.125	4.000	254.530	32.330	2.720	2.700	Bố trí đủ kế hoạch trung hạn còn lại
5	Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	133.684	4.170	1.100	2.900	2.900	1.200	1.200	Bố trí đủ kế hoạch trung hạn còn lại
6	Hồ sinh thái Kiên Kiên	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	254.300	68.784	6.000	6.000	6.000	4.000	4.000	Bố trí đủ kế hoạch trung hạn còn lại
7	Thu trữ nước dưới đất để phát triển nông lâm nghiệp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển tăng trưởng xanh bền vững trên vùng đất khô hạn ven biển	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	94.565	10.000	3.000	3.000	3.000	2.237	2.200	Bố trí đủ kế hoạch trung hạn còn lại
8	Hệ thống thủy lâm kết hợp để phòng chống hoang mạc hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Ninh Phước và Thuận Nam	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	241.686	19.968	6.000	6.000	6.000	4.000	4.000	Bố trí đủ kế hoạch trung hạn còn lại
c	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020		2.375.001	322.283	10.400	64.191	64.191	82.709	68.300	Dự án Có TMĐT phần vốn đối ứng NSDP: - Dưới 100 tỷ đồng, bố trí 60% TMĐT vốn đối ứng NSDP, - Từ 100 -200 tỷ đồng bố trí 50% TMĐT vốn đối ứng NSDP - Trên 200 tỷ đồng, bố trí 40% TMĐT vốn đối ứng NSDP

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu		KH năm 2019	Lũy kế Vốn đã bố trí đến hết năm 2019		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
			TMĐT			Tổng số	Trong đó NĐP			
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS địa phương						
9	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	412.634	51.034	10.400	20.400	20.400	19.600	10.000	Bổ trí 60% TMĐT vốn đối ứng NSDP
10	Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	1.962.367	271.249	0	43.791	43.791	63.109	58.100	Bổ trí 40% TMĐT vốn đối ứng NSDP
11	Dự án JBIC	BQL dự án JBIC							200	
d	Khởi công mới		711.786	80.492	0	0	0	10.000	8.000	
12	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	711.786	80.492				10.000	8.000	Bổ trí 10% TMĐT phần NSDP
X	ĐỐI ƯNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU							0	10.800	
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng năm 2019				4.200			0	10.800	Công trình hoàn thành chưa quyết toán, bố trí đến 90% TMĐT
1	Đường đi bộ ven biển khu du lịch Ninh Chữ - Bình Sơn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	55.971	29.749	4.200	44.772	18.479	5.407	5.400	Bổ trí đến 90% TMĐT
2	Nâng cấp sửa chữa Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần	Sở Lao động thương binh và Xã hội	54.113	27.120	2.600	43.286	16.293	10.650	2.000	Theo đề nghị Chủ đầu tư
3	Nâng cấp mở rộng bến cá Mỹ Tân	BQL dự án đầu tư XD các công trình NN & PTNT	110.601	70.601	30.600	71.100	30.600	9.400	3.400	Theo đề nghị chủ đầu tư
XI	ĐỐI ƯNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG								3.900	
1	Chương trình Giảm nghèo				4.800			9.080	3.900	Kh vốn CTMTQG Giảm nghèo năm 2020 là 64,929 tỷ, Đối ứng 10%, tương đương 6,5 tỷ, trong đó tỉnh đối ứng 60% là 3,9 tỷ đồng, Có 5 xã và 19 thôn 135, phân bổ 3,9 tỷ theo nguyên tắc: - Cứ 5 thôn được tính 1 xã, 19 thôn tương đương 3,8 xã, do đó số xã 135 được tính là 8,8 xã. Số vốn đối ứng 1 xã là 444 triệu đồng (3.900 triệu đồng/8,8 xã)
	Huyện Thuận Nam								444	1 xã 135

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu		KH năm 2019	Luỹ kế Vốn đã bố trí đến hết năm 2019		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
			TMDT			Tổng số	Trong đó NĐP			
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS địa phương						
	Huyện Ninh Sơn									
	Huyện Thuận Bắc								1.420	2 xã, 6 thôn 135
	Huyện Ninh Phước								1.592	2 xã, 8 thôn 135
	Huyện Ninh Hải								266	3 thôn 135
									178	2 thôn 135
2	Chương trình nông thôn mới									CTMTQG Xây dựng Nông thôn mới năm 2020 là 124,590 tỷ đồng, đối ứng 100%, tương đương 124,590 tỷ đồng, trong đó ngân sách tỉnh đối ứng 60% tương đương 74,754 tỷ đồng Kế hoạch năm 2020 ngân sách tỉnh bố trí trực tiếp cho 18 công trình thuộc 9 lĩnh vực đầu tư của Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn 47 xã là để đối ứng cho Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới, với tổng vốn 80,7 tỷ đồng cao hơn số vốn đối ứng theo quy định
XII	CÁC DỰ ÁN VAY LẠI TỪ NGUỒN VAY NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ				113.700				206.200	Tỉnh đăng ký kế hoạch 2020 các dự án vay lại từ nguồn vốn ODA của Chính phủ là 242,8 tỷ đồng/5 dự án (CV số 213/BC-UBND ngày 25/7/2019). Nguyên tắc bố trí vốn cho các dự án như sau: Tổng vốn đăng ký kế hoạch 2020 là 342,8 tỷ đồng, Bộ KHĐT thông báo 206,2 tỷ đồng, bằng 85% vốn đăng ký. Do đó, dự kiến phân bổ cho các dự án khoảng 85% vốn đăng ký
1	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Phan Rang Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước							190.000	
2	Dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (WB3)	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước							3.000	
3	Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT							1.900	
4	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT							11.000	
5	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế cơ sở	Sở Y tế							300	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu		KH năm 2019	Luỹ kế Vốn đã bố trí đến hết năm 2019		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
			TMDT			Tổng số	Trong đó NDP			
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS địa phương						
XIII	THỰC HIỆN DỰ ÁN				175.600	202.964	202.964	131.419	100.500	- Hoàn thành năm 2020: bố trí đến 85% TMDT - Hoàn thành sau năm 2020: bố trí đến 70% TMDT - Khởi công mới: bố trí đến 30% TMDT
a	Công trình chuyển tiếp hoàn thành năm 2020				83.100	106.464	106.464	65.563	49.200	Bố trí đến 85% TMDT
1	Mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh (Hạng mục Xây mới Khoa nội tổng hợp)	Bệnh viện tỉnh	31.527	31.527	5.000	14.400	14.400	17.127	12.300	Bố trí đến 85% TMDT
2	Khắc phục sạt lở Miếu Năm Bà	UBND huyện Ninh Phước	14.900	14.900	6.000	6.000	6.000	8.900	6.700	Bố trí đến 85% TMDT
3	Xây dựng các hạng mục Trường THPT Phạm Văn Đồng, huyện Ninh Phước	BQLDA Đầu tư xây dựng các CT dân dụng và công nghiệp	12.800	12.800	8.300	8.300	8.300	4.500	2.600	Bố trí đến 85% TMDT
4	Xây dựng các hạng mục Trường THPT Ninh Hải, huyện Ninh Hải	BQLDA Đầu tư xây dựng các CT dân dụng và công nghiệp	11.800	11.800	7.700	7.700	7.700	4.100	2.300	Bố trí đến 85% TMDT
5	Cải tạo nâng cấp Trường chính trị tỉnh, hạng mục sân đường, tường rào và thiết bị	Trường Chính trị tỉnh	4.300	4.300	1.600	1.600	1.600	2.400	2.000	Bố trí đến 85% TMDT
6	Nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết bị truyền hình thực hiện lộ trình số hóa truyền dẫn phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020	Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh	11.000	11.000	4.500	4.500	4.500	5.500	4.800	Bố trí đến 85% TMDT
7	Cơ sở hạ tầng khu du lịch Vinh Hy, xã Vinh Hải, huyện Ninh Hải	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	145000 97040	97.040	50.000	63.964	63.964	23.036	18.500	Bố trí đến 85% TMDT
8	Cải tạo nâng cấp hoàn thiện Trung tâm cai nghiện bắt buộc thành Trung tâm cai nghiện đa chức năng tỉnh Ninh Thuận	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	14.983	14.983	6.000	6.000	6.000	8.000		Sử dụng vốn Chương trình mục tiêu KH 2020 là 13,5 tỷ đồng
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021				92.500	96.500	96.500	62.100	47.600	Bố trí đến 70% TMDT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu		KH năm 2019	Lũy kế Vốn đã bố trí đến hết năm 2019		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
			TMĐT			Tổng số	Trong đó NDP			
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS địa phương						
9	Thư viện tỉnh	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	43.952	43.952	17.500	17.500	17.500	13.500	13.500	Bố trí đến 70% TMĐT
10	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn - cơ sở 2	Sở Giáo dục và Đào tạo	197.280	97.280	56.000	56.000	56.000	12.000	12.000	Bố trí đến 70% TMĐT
11	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quảng Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	80.000	30.000	12.000	12.000	12.000	18.000	9.000	Bố trí đến 70% TMĐT
12	Đường Ma Nới - Tà Nôi	UBND huyện Ninh Sơn	19.418	19.418	7.000	7.000	7.000	12.000	6.500	Bố trí đến 70% TMĐT
13	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền	109.879	109.879		4.000	4.000	6.600	6.600	Theo phương án bồi thường giải phóng mặt bằng được UBND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm phê duyệt là 10.600 triệu đồng, đã bố trí 4.000 triệu đồng, còn thiếu 6.600 triệu đồng
c	Khởi công mới		12.044	12.044				3.756	3.700	Bố trí 30% TMĐT
14	Khu nhà làm việc của giảng viên Trường Chính trị	Trường Chính trị	8.333	8.333				2.500	2.500	Bố trí 30% TMĐT
15	Trường Liên cấp THCS, THPT Bắc Ái	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.711	3.711				1.256	1.200	Bố trí 30% TMĐT
XIV	BÙ HỤT THU NĂM 2019, THANH TOÁN CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH KHI CÓ QUYẾT TOÁN VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC								12.837	Trong đó có dự án Nâng cấp Đường bê tông giao thông xã Thanh Hải để hỗ trợ huyện Ninh Hải đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020. UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất trước khi phân bổ chi tiết.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH VỐN TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHO ĐẦU TƯ
NHỮNG CHỨA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 31 /NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2020	Ghi chú
	Tổng số		828	
	Thực hiện dự án		828	
1	Trạm chăn nuôi và thú y huyện Ninh Hải	Chi cục chăn nuôi thú y tỉnh	828	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 31 /NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
	Tổng số		189.519	117.905	71.614	
I	Chương trình Giảm nghèo bền vững		64.929	47.315	17.614	
1	Chương trình 30a		47.315	47.315		
	- Trong đó: Hoàn ứng		11.924	11.924		
2	Chương trình 135		17.614		17.614	
II	Chương trình Nông thôn mới		124.590	70.590	54.000	
	- Trong đó: thực hiện các Đề án		17.370		17.370	
	Phân bổ như sau:					
I	Chương trình Giảm nghèo bền vững		64.929	47.315	17.614	
1	Chương trình 30a		47.315	47.315		
1.1	Huyện nghèo 30a		43.315	43.315		đã trừ 4 tỷ xã bãi ngang
	<i>Trong đó:</i>					
	- Hoàn ứng	Huyện Bác Ái	11.924	11.924		
	- Phân bổ chi tiết cho các công trình:		31.391	31.391		
a	Thanh toán công trình hoàn thành		2.191	2.191		(i) Có quyết toán bổ tri 100% GTQT; (ii) Chưa quyết toán bổ tri đến 90% TMDT, trường hợp CĐT đề nghị thấp hơn mức 90% thì bổ tri theo đề xuất của CĐT, hoặc mức vốn còn lại của 90%TMDT dưới 50 triệu đồng thì bổ tri khi có QT; (iii) trường hợp số vốn trung hạn còn lại nhỏ hơn mức vốn 90% thì bổ tri theo số vốn trung hạn còn lại.
1	Xây dựng hệ thống kênh cấp 2, 3 hệ thống thủy lợi Sông Sắt	Huyện Bác Ái	420	420		Chưa Quyết toán
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Trà Co 1 và thôn Đá bàn, xã Phước Tiến	-nt-	51	51		Chưa Quyết toán
3	Xây dựng 02 phòng bộ môn và bê tông sân vườn trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi, xã Phước Trung	-nt-	90	90		Chưa Quyết toán
4	Xây mới nhà đa năng Trường THCS Lê Lợi, xã Phước Thắng	-nt-	70	70		Chưa Quyết toán
5	Nối tiếp đường từ trạm y tế đi khu sản xuất Suối Rớ, xã Phước Chính	-nt-	60	60		Chưa Quyết toán
6	Xây dựng 06 phòng Trường THCS Võ Thị Sáu, xã Phước Hòa	-nt-	160	160		Chưa Quyết toán
7	Xây dựng Trạm y tế xã Phước Hòa	-nt-	150	150		Chưa Quyết toán

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020		Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước		Vốn nước ngoài
8	Xây dựng Trường MG Phong Lan, xã Phước Bình	-nt-	220	220	Chưa Quyết toán	
9	Khởi hiệu bộ và các phòng chức năng Trường TH Phước Bình A, Phước Bình B, Phước Bình C (HM: Trường TH Phước Bình B)	-nt-	80	80	Chưa Quyết toán	
10	Mở rộng HTTL hồ Sông Sắt cấp cho xã Phước Đại	-nt-	55	55	Chưa Quyết toán	
11	Đường giao thông đi khu sản xuất Chà Là 2 Núi Rây xã Phước Chính đi qua KSX thôn Tà Lú 3 xã Phước Đại	-nt-	525	525	Chưa Quyết toán	
12	Mở rộng kênh cấp 2,3 hồ Sông sắt cấp cho khu vực đất sản xuất dọc theo Sông Trà Co xã Phước tiến	-nt-	310	310	Chưa Quyết toán	
b	Dự án chuyển tiếp		10.160	10.160	Công trình chuyển tiếp bố trí 85% TMDT, trường hợp CĐT đề nghị < mức 85% thì bố trí theo đề xuất của CĐT, hoặc mức vốn còn lại của 85% < 50 triệu đồng thì bố trí khi QT	
1	Đường giao thông đi khu sản xuất thôn Hành Rạc, xã Phước Bình	Huyện Bác Ái	1.080	1.080		
2	Xây dựng đường giao thông nội đồng tuyến từ công an huyện đi khu sản xuất thôn Tà Lú 1 (Đường quy hoạch A13)	-nt-	1.030	1.030		
3	Đường trục thôn, liên thôn xã Phước Thắng	-nt-	1.380	1.380		
4	Khởi hiệu bộ và các phòng chức năng Trường TH Phước Trung B, Ma Lâm B, Suối Rúa	-nt-	780	780		
5	Xây mới nhà đa năng Trường TH Phước Đại B	-nt-	400	400		
6	Làm mới đường nội bộ khu vực dân cư thôn Đồng Dày 3 xã Phước Trung	-nt-	620	620		
7	Xây mới nhà công vụ cho trường THCS Võ Thị Sáu và khu hiệu bộ và phòng chức năng Trường MG Phước Hòa	-nt-	920	920		
8	Điện trung hạ thế xã Phước Trung	-nt-	300	300		
9	Khởi hiệu bộ và các phòng chức năng Trường TH Phước Bình A, Phước Bình C	-nt-	630	630		
10	Kênh mương nội đồng xã Phước Chính, xã Phước Trung	-nt-	810	810		
11	Kênh mương nội đồng xã Phước Tiến	-nt-	310	310		
12	Trạm y tế xã Phước Tân	-nt-	730	730		
13	Trạm y tế xã Phước Tiến	-nt-	730	730		
14	Xây dựng Chợ Phước Bình	-nt-	440	440		
c	Khởi công mới		19.040	19.040	Bố trí chi tiết cho các dự án sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư	
1	Kênh mương nội đồng xã Phước Tân	Huyện Bác Ái				
2	Đường đê bao chống sạt lở Sông Sắt khu vực Tà Lú xã Phước Đại	-nt-				
3	Xây dựng 2 nhà văn hóa thôn Mã Tiên, thôn Trà Co, xã Phước Tiến	-nt-				

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
4	Đường giao thông đi khu sản xuất kênh chính Nam-kênh N6, xã Phước Chính	-nt-				
5	Đường giao thông Tham Dú đi khu sản xuất Suối Le (Tham Dú 6)- bãi vật liệu hồ Phước Trung, xã Phước Trung	-nt-				
6	Điện trung hạ thế xã Phước Chính	-nt-				
1.2	Xã bãi ngang		4.000	4.000		Định mức: 1 tỷ đồng/xã
a	Thanh toán công trình hoàn thành		1.560	1.560		(i) Có quyết toán bố trí 100% GTQT; (ii) Chưa quyết toán bố trí đến 90% TMĐT, trường hợp CĐT đề nghị thấp hơn mức 90% thì bố trí theo đề xuất của CĐT, hoặc mức vốn còn lại của 90%TMĐT dưới 50 triệu đồng thì bố trí khi có QT; (iii) trường hợp số vốn trung hạn còn lại nhỏ hơn mức vốn 90% thì bố trí theo số vốn trung hạn còn lại.
1	Đường giao thông nội bộ thôn Sơn Hải 2, xã Phước Dinh	Huyện Thuận Nam	700	700		Chưa Quyết toán
2	Trường mẫu giáo Tuần Tú (02 phòng học và công trình phụ), xã An Hải	Huyện Ninh Phước	198	198		Đã QT bố trí 100% giá trị QT
3	Bê tông đường giao thông nội thôn từ Nguyễn Dựng đến Trịnh Văn Tâm, thôn Từ Tâm, xã Phước Hải	-nt-	513	513		Đã QT bố trí 100% giá trị QT
4	Trường mẫu giáo Hòa Thạnh (01 phòng học và công trình phụ), xã An Hải	-nt-	149	149		Chưa Quyết toán
b	Khởi công mới		2.440	2.440		Bố trí chi tiết cho các dự án sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư
1	Nâng cấp sửa chữa ngấp cục bộ thôn Sơn Hải 1, xã Phước Dinh	Huyện Thuận Nam				
2	Bê tông các tuyến đường giao thông nội thôn Nam Cương, xã An Hải	Huyện Ninh Phước				
3	Nâng cấp, mở rộng nhà sinh hoạt cộng đồng xã Phước Hải	-nt-				
4	Cổng tường rào, nhà vệ sinh, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Từ Tâm 2, xã Phước Hải	-nt-				
5	Bê tông đường giao thông thôn Thái An và hệ thống thoát nước thôn Vĩnh Hy, xã Vĩnh Hải	Huyện Ninh Hải				
2	Chương trình 135		17.614		17.614	
a	Thanh toán công trình hoàn thành		3.549	0	3.549	(i) Có quyết toán bố trí 100% GTQT; (ii) Chưa quyết toán bố trí đến 90% TMĐT, trường hợp CĐT đề nghị thấp hơn mức 90% thì bố trí theo đề xuất của CĐT, hoặc mức vốn còn lại của 90%TMĐT dưới 50 triệu đồng thì bố trí khi có QT; (iii) trường hợp số vốn trung hạn còn lại nhỏ hơn mức vốn 90% thì bố trí theo số vốn trung hạn còn lại.
1	Mở rộng kênh cấp 2, 3 (nhánh N13-11) cấp cho thôn Ma Oai xã Phước Thắng	Huyện Bác Ái	180		180	Chưa Quyết toán
2	Đường giao thông đi khu sản xuất thôn Suối Lở xã Phước Thành	-nt-	170		170	Chưa Quyết toán
3	Đường giao thông nội đồng thôn Suối Khô xã Phước Chính	-nt-	70		70	Chưa Quyết toán

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
4	Xây mới nhà đa năng cho trường tiểu học Phước Hòa	-nt-	70		70	Chưa Quyết toán
5	Đường sản xuất Rã Trên 3, xã Phước Trung	-nt-	120		120	Chưa Quyết toán
6	Xây dựng phòng học (thôn Núi Rây) Trường mẫu giáo Phước Chính	-nt-	100		100	Chưa Quyết toán
7	Cổng tường rào, sân vườn và nhà vệ sinh trường Tiểu học Phước Hòa	-nt-	96		96	Chưa Quyết toán
8	Nối dài tuyến đường giao thông từ thôn Ma Hoa đến khu sản xuất nội đồng kênh chính Bắc xã Phước Đại	-nt-	124		124	Chưa Quyết toán
9	Đường bê tông xi măng thôn Ma Rớ xã Phước Thành	-nt-	775		775	Chưa Quyết toán
10	Dự án Nâng cấp chợ trung tâm cụm xã Hòa Sơn	Huyện Ninh Sơn	20		20	Đã QT, bố trí 100% giá trị
11	Dự án Sửa chữa hệ thống thủy lợi, xã Ma Nới	-nt-	60		60	Đã QT, bố trí 100% giá trị
12	Dự án Nâng cấp đường giao thông thôn Gòn 2, xã Lâm Sơn	-nt-	146		146	Đã QT, bố trí 100% giá trị
13	Dự án Bê tông hóa các tuyến đường giao thông, xã Hòa Sơn	-nt-	308		308	Đã QT, bố trí 100% giá trị
14	Dự án đầu tư phát triển hạ tầng kênh mương, đường giao thông và nước sinh hoạt trên địa bàn huyện: gồm các tuyến: Tuyến kênh nội đồng thôn Trà Giang 2; Tuyến nước sinh hoạt thôn Nha Hủi; Tuyến đường giao thông xã Ma Nới	-nt-	210		210	Chưa Quyết toán
15	Kiên cố hoá kênh mương cánh đồng cung thôn Suối Đá, N4,2 đồng Rẫy Sở Thôn Ân Đạt (giai đoạn 2)	Huyện Thuận Bắc	340		340	Chưa Quyết toán
16	Nhà văn hóa thôn Đá Liệt xã Phước Kháng	-nt-	250		250	Chưa Quyết toán
17	Xây dựng Công trình đoạn qua Hồ nước ngọt lên Ruộng thôn đá Hang	Huyện Ninh Hải	140		140	Chưa Quyết toán
18	Bê tông đường giao thông thôn Tà Dương, xã Phước Thái (Đoạn từ cầu ông Ngọt đến rẫy ông Phân)	Huyện Ninh Phước	184		184	Chưa Quyết toán
19	Bê tông đường giao thông nội thôn Liên Sơn 2, xã Phước Vinh (Đoạn từ nhà Mang Khói đến nhà Mang Nghiệm; từ nhà Mang Định đến nhà Mang Thị Minh Hương; từ nhà Mang Đạm đến nhà Mang Minh Hoàng)	-nt-	186		186	Chưa Quyết toán
b	Dự án chuyển tiếp		3.900	0	3.900	Công trình chuyển tiếp bố trí 85% TMDT, trường hợp CĐT đề nghị < mức 85% thì bố trí theo đề xuất của CĐT, hoặc mức vốn còn lại của 85% < 50 triệu đồng thì bố trí khi QT.
1	Đường giao thông nội bộ xã Phước Tân	Huyện bác Ái	930		930	
2	Xây mới nhà đa năng và phòng chức năng Trường Tiểu học Phước Thắng	-nt-	790		790	
3	Nâng cấp, mở rộng chợ Phước Đại	-nt-	450		450	

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
4	Đường giao thông đi khu sản xuất Gia Non, thôn Hành Rạc 1 (tuyến 8)	-nt-	480		480	
5	Bê tông hóa giao thông xã nông thôn xã Phước Chiến (HM: Tuyến đường nội đồng Ma Trai)	Huyện Thuận Bắc	1.250		1.250	
c	Khởi công mới		10.165	0	10.165	Bổ trí chi tiết cho các dự án sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư
	Huyện Bác Ái		4.495		4.495	
1	Đường giao thông nội đồng từ nhà cộng đồng Tà Lú 2 đi khu sản xuất Suối Sông Sắt	Huyện bác Ái				
2	Xây dựng tường rào, sân vườn Trường TH Phước Thành A (điểm trường thôn Suối Lò)	-nt-				
3	Bê tông xi măng kênh mương nội đồng khu sản xuất lúa thôn Ma Ty	-nt-				
4	Trường MG Phước Tiến (Hạng mục: nhà ăn)	-nt-				
5	Bê tông xi măng nối dài đi khu sản xuất Chà Panh	-nt-				
	Huyện Ninh Sơn		2.200		2.200	
6	Nâng cấp nối dài đường giao thông thôn Mỹ Hiệp	Huyện Ninh Sơn				
7	Xây dựng 2 trường mẫu giáo Mỹ Sơn (Điểm trường thôn Mỹ Hiệp)	-nt-				
8	Nâng cấp đập và hệ thống thủy lợi xã Ma Nới	-nt-				
	Huyện Thuận Bắc		2.170		2.170	
9	Bê tông đường giao thông thôn Suối Vang, thôn Ba Hồ và đường nội đồng thôn Xóm Đền, xã Công Hải	Huyện Thuận Bắc				
10	Nhà văn hóa thôn Xóm Bằng, xã Bắc Sơn	-nt-				
11	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng đoạn từ kênh chính sông Trâu đến đập Kiên Kiên 2, xã Lợi Hải	-nt-				
12	Nhà văn hóa thôn Cầu Đá, xã Phước Kháng	-nt-				
	Huyện Ninh Hải		200		200	
13	Nâng cấp sửa chữa cầu treo thôn Cầu Gãy, xã Vinh Hải	Huyện Ninh Hải				
	Huyện Ninh Phước		150		150	
14	Bê tông các tuyến đường giao thông khu phố 6, thị trấn Phước Dân (Đoạn từ nhà bà Xuân Hiền đến giáp Sông Lu)	Huyện Ninh Phước				
	Huyện Thuận Nam		950		950	
15	Bê tông kênh mương khu ruộng Anh Dũng, xã Phước Hà	Huyện Thuận Nam				
II	Chương trình Xây dựng Nông thôn mới		124.590	70.590	54.000	
1	Hỗ trợ thực hiện các Đề án, gồm:		17.370		17.370	Bổ trí số vốn trung hạn còn lại

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020		Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước		Vốn nước ngoài
1.1	Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa (Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017)		5.360	5.360	Bố trí đúng bằng số vốn trung hạn	
	<i>Khởi công mới</i>		5.360	5.360	Bố trí chi tiết cho các dự án sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư	
1	Nâng cấp đường giao thông nông thôn khu phía Nam Phương Cựu 3, xã Phương Hải, huyện Ninh Hải	Huyện Ninh Hải				
2	Nâng cấp đường bê tông giao thông xã Nhơn Hải (giai đoạn 2), xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải.	-nt-				
1.2	Đề án hỗ trợ các thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển (Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018)		4.970	4.970	Bố trí đúng bằng số vốn trung hạn	
	<i>Khởi công mới</i>		4.970	4.970	Bố trí chi tiết cho các dự án sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư	
	Huyện Thuận Nam		3.365	3.365		
1	Bê tông hóa tuyến đường Từ Thiện-Đường Ven biển, xã Phước Dinh.	Huyện Thuận Nam				
2	Bê tông hóa tuyến đường Vĩnh Trường, xã Phước Dinh.	-nt-				
	Huyện Ninh Phước		1.605	1.605		
3	Bê tông đường từ ruộng ông Mạnh đến ruộng ông Khánh và đến ruộng ông Thuê, thôn Thành Tín, xã Phước Hải	Huyện Ninh Phước				
4	Bê tông đường từ nhà ông Tấn đến nhà ông Đơn, thôn Thành Tín, xã Phước Hải	-nt-				
5	Bê tông đường từ rẫy ông Nguyễn Đạt đến rẫy ông Càng, thôn Hòa Thủy, xã Phước Hải	-nt-				
1.3	Hỗ trợ Hợp tác xã (Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014)		7.040	7.040	Bố trí đúng bằng số vốn trung hạn	
	<i>Khởi công mới</i>		7.040	7.040	Bố trí chi tiết cho các dự án sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư	
	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm		235	235		
1	Đường giao thông nội đồng thôn Tân Sơn 1 từ Cây Me đi Cầu Bầu (gd 2), HTX KDDV Nông nghiệp Nhất Tiến	TP. PR-TC				
	Huyện Thuận Nam		135	135		
2	Trụ sở làm việc HTX Vụ Bồn					
	Huyện Ninh Phước		2.300	2.300		
3	Xưởng sơ chế nông sản, HTX KDDV Nông nghiệp Hữu Đức	Huyện Ninh Phước				
4	Xây dựng kho bảo quản nông sản, HTX KDDV Nông nghiệp Hậu Sanh	-nt-				
5	Xây dựng kho bảo quản nông sản, HTX KDDV Nông nghiệp Phước Thiện	-nt-				

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
6	Nhà sơ chế và kho bảo quản sản phẩm măng tay xanh, HTX KDDV Nông nghiệp Tuấn Tú	-nt-				
7	Xây dựng kho bảo quản nông sản, HTX dịch vụ nông nghiệp Phước An	-nt-				
8	Xây dựng kho bảo quản nông sản, HTX KDDV nông nghiệp Phước Hậu	-nt-				
9	Lò sấy trái cây, HTX KDDV nông nghiệp Phước Hậu	-nt-				
10	Kiên cố hóa kênh mương tưới cho vùng Tà Đe, HTX KDDV Nông nghiệp Long Bình	-nt-				
Huyện Ninh Hải			1.200		1.200	
11	Nhà sơ chế đóng gói, HTX DVNN tổng hợp Xuân Hải	Huyện Ninh Hải				
12	Máy sấy, đóng gói nhỏ, tời HTX Nho Thái An	-nt-				
Huyện Thuận Bắc			635		635	
13	Cơ sở giết mổ sản phẩm đặc thù (heo đen, gà Thuận Bắc): lò giết mổ, máy cắt thịt, thiết bị đóng gói..., HTX sản xuất và dịch vụ NN Suối Đá	Huyện Thuận Bắc				
Huyện Ninh Sơn			1.900		1900	
14	Đường giao thông nội đồng Xóm 2,4, HTX KDDV Nông nghiệp Tân Lập 2	Huyện Ninh Sơn				
15	Kiên cố hóa kênh mương, HTX KDDV Nông nghiệp Tầm Ngân	-nt-				
16	Giao thông nội đồng, HTXKDDV Tầm Ngân	-nt-				
17	Kiên cố hóa kênh mương, HTX KDDV Nông nghiệp Hòa Sơn	-nt-				
Huyện Bác Ái			635		635	
18	Máy cắt thịt, thiết bị đóng gói sản phẩm heo đen Bác Ái, HTX Phước Đại	Huyện Bác Ái				
2	Hỗ trợ Hợp tác xã và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội các xã		107.220	70.590	36.630	
2.1	Hỗ trợ Hợp tác xã		5.000		5.000	Bố trí số vốn trung hạn còn lại
a	Thanh toán công trình hoàn thành		1.460	0	1.460	(i) Có quyết toán bố trí 100% GTQT; (ii) Chưa quyết toán bố trí đến 90% TMĐT, trường hợp CĐT đề nghị thấp hơn mức 90% thì bố trí theo đề xuất của CĐT, hoặc mức vốn còn lại của 90%TMĐT dưới 50 triệu đồng thì bố trí khi có QT; (iii) trường hợp số vốn trung hạn còn lại nhỏ hơn mức vốn 90% thì bố trí theo số vốn trung hạn còn lại.
1	Đường giao thông nội đồng thôn Tân Sơn 1 từ Cầu me đi Cầu Bàu, HTX Nhất Tiến	TP. PR-TC	190		190	
2	Trại nuôi bò vỗ béo - lò giết mổ HTX KDDV Nông nghiệp Hữu Đức	Huyện Ninh Phước	110		110	
3	Hạ thế Điện sản xuất HTX KDDV Nông nghiệp La Chữ	-nt-	100		100	

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020		Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước		Vốn nước ngoài
4	Xây dựng nhà kho và kênh mương nội đồng HTX KDDV Nông nghiệp Hậu Sanh	-nt-	90		90	
5	Xây dựng sân phơi HTX KDDV Nông nghiệp Ninh Quý	-nt-	80		80	
6	Xây dựng sân phơi HTX KDDV Nông nghiệp Phước Thiện	-nt-	130		130	
7	Kho chứa giống, vật tư HTX KDDV Nông nghiệp Phước Thiện	-nt-	60		60	
8	Kho vật tư HTX kinh doanh dịch vụ Nông nghiệp Tuấn Tú:	-nt-	30		30	
9	Điểm thu mua nông sản HTX kinh doanh dịch vụ Nông nghiệp Long Bình	-nt-	130		130	
10	Kho vật tư HTX kinh doanh dịch vụ Nông nghiệp Phước An	-nt-	50		50	
11	Xây dựng nhà kho HTX KDDV nông nghiệp Phước Hậu	-nt-	60		60	
12	Sân phơi, HTX Kinh doanh Dịch vụ Nông nghiệp Nhị Hà	Huyện Thuận Nam	300		300	
13	Sân phơi lúa HTX dịch vụ Nông nghiệp An Xuân	Huyện Ninh Hải	100		100	
14	Nhà sơ chế rau củ quả HTX dịch vụ Nông nghiệp An Xuân	-nt-	30		30	
b	Khởi công mới		3.540		3.540	Bổ trí chi tiết cho các dự án sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư
	Huyện Thuận Nam		240		240	
1	Trụ sở làm việc, HTX Vụ Bồn	Huyện Thuận Nam				
	Huyện Ninh Phước		2.600		2.600	
2	Xây mới trụ sở làm việc, HTX KDDV NN Như Bình	Huyện Ninh Phước				
3	Xây mới trụ sở làm việc, HTX KDDV NN Hoài Trung	-nt-				
4	Xây mới trụ sở làm việc, HTX KDDV NN Phước Thiện	-nt-				
5	Sửa chữa trụ sở làm việc, HTX KDDV NN Phước An	-nt-				
6	Trụ sở làm việc, HTX KDDV NN Phước Hậu	-nt-				
	Huyện Ninh Hải		700		700	
7	Sửa chữa trụ sở làm việc, HTX DVNN tổng hợp Gò Đền	Huyện Ninh Hải				
8	Sửa chữa trụ sở làm việc, HTX DVNN Vĩnh Hy	-nt-				
9	Sửa chữa trụ sở làm việc, HTX DVNN Tổng hợp Xuân Hải	-nt-				

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
b2	Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các xã		102.220	70.590	31.630	(M1) xã ĐBKĐ, bãi ngang: hệ số 4; (M2) xã ĐBKĐ đạt <5 tiêu chí: hệ số 5; (M3) xã đạt từ > 15 tiêu chí hệ số 1,3; (M4) xã không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên (bao gồm xã đã đạt chuẩn NTM): hệ số 1. Tổng điểm hệ số (M1+M2+M3+M4) đạt 104,3 điểm (19*4+1,3+27). --> Mức vốn bố trí cho 01 điểm hệ số là 980 triệu đồng (102.220 tr. đồng /104,3 điểm hệ số).
a	Thanh toán công trình hoàn thành		16.175	16.175	0	Công trình có quyết toán bố trí 100%, trường hợp chủ đầu tư đề nghị thấp hơn mức 90% thì bố trí theo đề xuất của chủ đầu tư, hoặc mức vốn còn lại của 90% dưới 50 triệu đồng thì bố trí khi quyết toán; trường hợp số vốn trung hạn còn lại nhỏ hơn mức vốn 90% thì bố trí theo số vốn trung hạn còn lại
1	Đường bê tông nội thôn Thành Ý - Công Thành, xã Thành Hải	TP PR-TC	620	620		Chưa Quyết toán
2	Đường giao thông nông thôn xã An Hải: gồm hạng mục	Huyện Ninh Phước				
	- Bê tông đường giao thông nội thôn Long Bình 1, xã An Hải (từ nhà Cao Thắng đến Phan Trù; từ nhà Võ Ngọc Nguyên đến Nguyễn Văn Long; từ nhà Nguyễn Thường đến Phạm Tấn Quận; từ nhà Phan Như Hòa đến Bùi thị Cảnh Chinh; từ nhà Dương thị sáng đến nhà Lê Văn Ninh)	-nt-	120	120		Chưa Quyết toán
	- Bê tông đường giao thông nội thôn thôn Long Bình 2, xã An Hải (từ nhà Phạm Tấn Á đến Trần Thị Thật; từ nhà Lê Hạnh đến Nguyễn Lắm; từ nhà Đường Nguyễn Trí đến Dương Hoài Văn)	-nt-	110	110		Chưa Quyết toán
	- Bê tông đường giao thông nội thôn, nội đồng thôn Nam Cương, xã An Hải (từ nhà bà Nguyễn Thị Hồng đến khu sản xuất rau an toàn)	-nt-	110	110		Chưa Quyết toán
	- Bê tông đường giao thông nội thôn Tuấn Tú, xã An Hải (từ Chợ đến nhà ông Kiều Ngọc Câu; từ Thánh đường đến nhà Ông Đa; từ nhà ông Thả đến giáp đường Nam Cương.)	-nt-	110	110		Chưa Quyết toán
3	Bê tông đường giao thông nội thôn thôn Phước Đồng 2, xã Phước Hậu (Từ nhà ông Hứa Văn Bảo - Quang Đại Xăng; từ nhà Trương Chánh - Vạn Sung; từ nhà Thạch Câu - Lưu Văn Núi)	-nt-	225	225		Chưa Quyết toán
4	Bê tông đường giao thông nội thôn thôn Tân Đức; thôn Hậu Sanh xã Phước Hữu (từ nhà ông Hán Văn Phát đến nhà ông Quảng Đại Nhậm)	-nt-	50	50		Chưa Quyết toán
5	Hoàn thiện nhà văn hóa các thôn xã Phước Hữu	-nt-	80	80		Chưa Quyết toán

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020		Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước		Vốn nước ngoài
6	Bê tông đường giao thông nội đồng và nội thôn thôn Ninh Quý 3, xã Phước Sơn (Từ cất ông Lâm Đại Hiệp đi Phước Hậu; Từ nhà bà Tống Thị Khoa đến hết khu quy hoạch)	-nt-	505	505	Chưa Quyết toán	
7	Bê tông đường giao thông nội đồng thôn Đá Trắng, xã Phước Thái (Từ nhà ông Văn đến nhà ông Giáo)	-nt-	70	70	Chưa Quyết toán	
8	Bê tông đường giao thông nội thôn và nội đồng thôn Thuận Lợi, xã Phước Thuận (Từ nhà ông Tòng đến nhà ông Tám; từ ruộng ông Y đến nhà ông Hùng)	-nt-	650	650	Chưa Quyết toán	
9	Bê tông đường giao thông nội thôn thôn Phước An 2, xã Phước Vinh (từ 6 cư - Mương Cái)	-nt-	140	140	Chưa Quyết toán	
10	Bê tông đường giao thông nội thôn thôn Từ Tâm 2, xã Phước Hải (đoạn từ nhà bà Mé đến nhà Lê Khả; từ nhà ông Sơn đến nhà Ông Hăng; đoạn từ nhà ông Hồng đến nhà ông Đào Văn Cảnh; từ Trường tiểu học đến nhà Ông Phạm Lung đến nhà Ông Hồ Sen)	-nt-	90	90	Chưa Quyết toán	
11	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Phước Minh (HM: Nhà trạm 7 phòng)	Huyện Thuận Nam	87	87	Đã Quyết toán	
12	Đường giao thông nông thôn xã Phước Hà: gồm các hạng mục	-nt-				
	- Bê tông hóa đường giao thông đi vào khu sản xuất thôn Tân Hà	-nt-	257	257	Chưa Quyết toán	
	- Bê tông hóa đường nội đồng từ nhà Ông Tạ Yên Chép đến rẫy Ông Cha Ma Lê Đới, xã Phước Hà	-nt-	835	835	Chưa Quyết toán	
	- Bê tông hóa đường giao thông từ nhà Bà Tạ Yên Thị Tôn đến đập Cà Tiêu.	-nt-	426	426	Chưa Quyết toán	
13	Sửa chữa nhà văn hóa xã Phước Nam (thôn Văn Lâm 1, 2, 3, 4, Nho Lâm, Phước Lập, Tam Lang)	-nt-	415	415	Chưa Quyết toán	
14	Hoàn thiện hệ thống Trung tâm VH-TT xã Phước Ninh (HM: Công tường rào, nhà vệ sinh, sân bê tông)	-nt-	415	415	Chưa Quyết toán	
15	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Nhị Hà 1, xã Nhị Hà.	-nt-	225	225	Chưa Quyết toán	
16	Đường bê tông trục chính thôn 3 (giai đoạn 2) xã Nhị Hà	-nt-	780	780	Chưa Quyết toán	
17	Đường giao thông nội thôn thôn Quán Thê, xã Phước Minh (Đoạn từ BQL thôn Quán Thê 1 đến cổng trường THCS Phan Chu Trinh)	-nt-	610	610	Chưa Quyết toán	
18	Đường giao thông nội thôn thôn Lạc Tân 3, xã Phước Diêm (Từ nhà ông Lê Văn Chấn đến nhà ông Đỗ Hoàng)	-nt-	480	480	Chưa Quyết toán	
19	Đường giao thông nội thôn thôn Lạc Sơn 1, xã Cà Ná (Từ nhà ông Trần Việt Hà đến nhà bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa; Từ nhà Ông Nguyễn Văn Quyền đến nhà ông Lê Văn Cù)	-nt-	780	780	Chưa Quyết toán	

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
20	Trung tâm văn hóa thể thao xã Lâm Sơn	Huyện Ninh Sơn	30	30		Đã Quyết toán
21	Trung tâm văn hóa thể thao xã Quảng Sơn	-nt-	38	38		Đã Quyết toán
22	Trung tâm văn hóa thể thao xã Mỹ Sơn	-nt-	54	54		Đã Quyết toán
23	Nâng cấp các tuyến điện phục vụ sản xuất, xã Hòa Sơn gồm: Tuyến đường điện phục vụ sản xuất cánh đồng thôn Tân Hiệp; Tân Hòa; Tân Tiến; Tân Định	Huyện Ninh Sơn	1.650	1.650		Chưa Quyết toán
24	Nâng cấp trường mẫu giáo xã Hòa Sơn	-nt-	840	840		Chưa Quyết toán
25	Nâng cấp tuyến đường giao thông thôn Lâm Bình, xã Lâm Sơn (từ nhà ông Danh đến nhà ông Giác)	-nt-	250	250		Chưa Quyết toán
26	Nâng cấp tuyến đường giao thông thôn La Vang 1, xã Quảng Sơn (Tuyến đường từ trường tiểu học Quảng Sơn đến giáo xứ Quảng Thuận)	-nt-	250	250		Chưa Quyết toán
27	Nâng cấp nhà văn hóa thể thao Thôn Gia Hoa, xã Ma Nới	-nt-	150	150		Chưa Quyết toán
28	Nâng cấp các tuyến kênh xã Lương Sơn	-nt-	690	690		Chưa Quyết toán
29	Nâng cấp tuyến kênh thôn Đắc Nhơn 3, xã Nhơn Sơn (Tuyến kênh tiêu cầu Gió Bay)	-nt-	880	880		Chưa Quyết toán
30	Nâng cấp các tuyến đường giao thông xã Ma Nới	-nt-	648	648		Chưa Quyết toán
31	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng Đầu Suối A, xã Phước Chiến	Huyện Thuận Bắc	730	730		Chưa Quyết toán
32	Bê tông hóa đường từ nhà bà Đào đến khu dân cư, xã Phước Chiến	-nt-	170	170		Chưa Quyết toán
33	Hoàn thiện nhà văn hóa thôn Đầu Suối A, Đầu Suối B, thôn Tập Lá, thôn Ma Trai, xã Phước Chiến	-nt-	130	130		Chưa Quyết toán
34	Nâng cấp, mở rộng đường từ đầu làng đến Cầu Bến Nung, xã Phước Kháng	-nt-	150	150		Chưa Quyết toán
35	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi thôn Đá Mài Dưới, xã Phước Kháng	-nt-	70	70		Chưa Quyết toán
36	Trường Tiểu học Phước Kháng 02 phòng học (cơ sở Suối Le)	-nt-	120	120		Chưa Quyết toán
37	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng đoạn tiếp giáp đường bê tông hiện hữu đến kênh Cà Rài Kiên Kiên 2, xã Lợi Hải	-nt-	55	55		Chưa Quyết toán
38	Hệ thống truyền thanh xã Công Hải	-nt-	65	65		Chưa Quyết toán
39	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn thôn Ba Tháp, xã Bắc Phong (đoạn từ nhà bà Phương đến nhà ông Chín Mịch)	-nt-	130	130		Chưa Quyết toán
40	Trạm truyền thanh xã Bắc Phong	-nt-	65	65		Chưa Quyết toán
41	Bê tông xi măng đường liên thôn Ma Ty tuyến III và tuyến IV (Khu vực đi Suối Cá), xã Phước Tân	Huyện Bác Ái	20	20		Đã Quyết toán

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
42	Mở rộng hệ thống trạm bơm xã Phước Hòa tưới cho khu vực thôn Chà Panh, xã Phước Hòa	-nt-	240	240		Đã Quyết toán
43	Điện trung hạ thế tại các khu dân cư xã Phước Bình (Điện trung hạ thế tại các khu dân cư thôn Bạc Rây 1)	-nt-	90	90		Đã Quyết toán
44	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn xã Phước Tiến (Bê tông hóa đường giao thông nông thôn thôn Trà Co 1 (tuyến 2); Bê tông hóa đường bao trục trung tâm cụm xã Phước Tiến - Phước Tân)	-nt-	150	150		Đã Quyết toán
45	Bê tông hóa các trục đường giao thông thôn Ma Oai, xã Phước Thắng	-nt-	190	190		Đã Quyết toán
46	Đường giao thông nông thôn xã Phước Trung (Bê tông xi măng đường nội thôn Đồng Dẫy; Đường nội bộ khu vực trung tâm hành chính xã (tuyến D3)	-nt-	30	30		Đã Quyết toán
47	Bê tông xi măng trục đường khu tái định cư thôn Ma Nai (tuyến 3), xã Phước Thành	-nt-	100	100		Đã Quyết toán
b	Khởi công mới		86.045	54.415	31.630	Bổ trí chi tiết cho các dự án sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư
	TP. Phan Rang-Tháp Chàm		370	370		
1	Đường nội bộ thôn Tân Sơn 2, xã Thành Hải	TP PR-TC				
2	Đường nội thôn Công Thành (tuyến T1), xã Thành Hải	-nt-				
	Huyện Ninh Phước		11.460	11.460		
3	Bê tông các tuyến đường giao thông nội thôn xã Phước Hải: gồm các hạng mục	Huyện Ninh Phước				
	- Bê tông đường giao thông nội đồng thôn Từ Tâm 1, xã Phước Hải (từ đất nhà ông Nguyễn Văn Khước đến nhà ông Nguyễn Văn Đượ; Từ Trường Phan Đình Phùng đến nhà ông Lê Xuân)	-nt-				
	- Bê tông đường giao thông nội đồng thôn Hòa Thủy, xã Phước Hải (Từ nhà ông Thái Văn Luân giáp đập Nha Trắng)	-nt-				
	- Bê tông đường giao thông nội đồng thôn Thành Tín, xã Phước Hải (Từ Trường mẫu giáo Thành Tín đến nhà bà Kiều Thị Duyên; từ nhà ông Kéo đến nhà ông Vòng)	-nt-				
	- Bê tông đường giao thông nội đồng thôn Thành Tín, xã Phước Hải (Từ Trường tiểu học Thành Tín đến giáp ruộng ông Kiều Thanh Phiên; từ trường tiểu học Thành Tín - Nha Trắng)	-nt-				
4	Bê tông các tuyến đường giao thông nội thôn xã An Hải: gồm các hạng mục	-nt-				

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
	- Bê tông đường giao thông nội thôn An Thạnh 1, xã An Hải (từ nhà ông Thao đến nhà Ông 5 Nhánh; từ nhà ông Phạm Thanh Khoa đến Đỗ Thành Bông; từ nhà ông Huỳnh Thanh Yên đến Nguyễn Như Tông)	-nt-				
	- Bê tông đường nội đồng và nội thôn An Thạnh 2, xã An Hải (Đoạn từ nhà Nguyễn Thị Thiên đến nhà ông Nguyễn Văn Định; từ nhà ông Trần Văn Mạnh đến nhà ông Phùng Tắc)	-nt-				
	- Bê tông đường giao thông nội thôn Long Bình 1, xã An Hải (Từ kênh chính nam đến ruộng bà Lê Thị Tò)	-nt-				
	- Bê tông đường nội đồng thôn Long Bình 2, xã An Hải (đoạn từ nhà Đào Thị Tánh đến động Ba Heo)	-nt-				
	- Bê tông đường giao thông nội thôn Hòa Thạnh, xã An Hải (từ nhà ông Hùng đến giáp đường An Long - Trại giống; từ nhà Ông Nhịn đến ông Miên; từ nhà bà Lượm đến nhà ông Hòa; nhà bà Phượng đến nhà ông Sơn)	-nt-				
5	Đầu tư hệ thống truyền thanh, thông tin xã An Hải	-nt-				
6	Bê tông các tuyến đường giao thông nội thôn, xã Phước Hậu: gồm các hạng mục	-nt-				
	- Bê tông đường giao thông nội thôn thôn Phước Đồng 1, xã Phước Hậu (từ nhà Lưu Văn Bé - Hán Văn Hùng)	-nt-				
	- Bê tông đường giao thông nội thôn thôn Hoài Nhơn, xã Phước Hậu (Từ nhà Phạm Em - mương Ca)	-nt-				
	- Bê tông đường giao thông nội thôn thôn Hiếu Lễ, xã Phước Hậu (Từ nhà Châu Nghệ - Đàng Năng Sác; từ nhà Thạch Tâm-Cúc Xá)	-nt-				
7	Bê tông các tuyến đường giao thông nội đồng và nội thôn xã Phước Sơn: gồm các hạng mục	-nt-				
	- Bê tông đường giao thông nội đồng thôn Ninh Quý 1, xã Phước Sơn (Từ nhà ông Nguyễn Văn Đạt đến nhà ông Đặng Xuân Thuận)	-nt-				
	- Bê tông đường giao thông nội đồng thôn Ninh Quý 2, xã Phước Sơn (Từ nhà ông Nguyễn Bốn đến nhà bà Quán Mới)	-nt-				
8	Bê tông đường giao thông nội đồng thôn Hoài Trung, xã Phước Thái (Từ nhà ông Văn đến nhà ông Nốt)	-nt-				
9	Bê tông các tuyến đường giao thông nội thôn và nội đồng, xã Phước Thuận: gồm các hạng mục	-nt-				

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
	Bê tông đường giao thông nội thôn thôn Hiệp Hòa, xã Phước Thuận (từ nhà ông Đỗ Hòa đến nhà ông Lê Đồi; Đoạn từ nhà ông Quãng đến 708)	-nt-				
	- Bê tông đường giao thông nội đồng thôn Thuận Hòa, xã Phước Thuận (Từ nhà ông Đồng đến nhà ông Ngoan)	-nt-				
10	Bê tông đường giao thông nội đồng thôn Liên Sơn 1, xã Phước Vinh (từ Ông Khoa đến đất ông Học Năm Bình Tô)	-nt-				
11	Bê tông đường giao thông nội thôn thôn Thành Đức, xã Phước Hữu (Từ nhà Trần Đình Lai - Nguyễn Phẩm; Từ nhà ông Danh Thành Nhơn - Nại Thành Lưu (la thang 1))	-nt-				
	Huyện Thuận Nam		8.410	8.410		
12	Đường nội đồng đoạn vòng chùa đến ngã tư đường ven biển, xã Phước Dinh	Huyện Thuận Nam				
13	Bê tông hóa đường giao thông đi vào khu sản xuất Láng Dầu, xã Nhị Hà.	-nt-				
14	Đường giao thông nội thôn thôn Lạc Tiến, xã Phước Minh (Đoạn từ nhà ông Nguyễn Đồi đến nhà bà Phan Thị Kim Chung; Đoạn từ nhà ông Đỗ Ngọc Minh đến nhà bà Nguyễn Thị Loan; Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Sơn đến nhà bà Lê Thị Mai)	-nt-				
15	Đường giao thông nội thôn xã Phước Nam: gồm các hạng mục	-nt-				
	- Đường giao thông nội thôn thôn Văn Lâm 1, xã Phước Nam (Từ nhà Báo Văn Khui đến nhà Thành Quốc Thắng; Từ nhà Miêu Việt Tuyên đến nhà Nãi Thanh Đệ)	-nt-				
	- Đường giao thông nội thôn thôn Văn Lâm 3, xã Phước Nam (Từ nhà Châu Văn Thê đến nhà Lưu Đức Thuận; Từ nhà Từ Trung Thủy đến nhà Kiều Hoàng Phương)	-nt-				
	- Đường giao thông nội thôn thôn Phước I ập, xã Phước Nam (Từ nhà Châu Thị Đã đến nhà Châu Trọng)	-nt-				
	- Đường giao thông nội thôn thôn Nho Lâm, xã Phước Nam (Từ nhà Nguyễn Thị Đậu đến nhà Ngô Thị Phi)	-nt-				
16	Đường giao thông nội thôn xã Phước Ninh, gồm các hạng mục:	-nt-				
	- Đường giao thông nội thôn thôn Thiện Đức xã Phước Ninh (Từ nhà Bà Vân đến nhà ông Tạ Công Thành; Từ nhà Bà Nguyễn Thị Xuân Mai đến nhà ông Nguyễn Thọ; Từ nhà ông Nguyễn Văn trường đến nhà Triệu Mua)	-nt-				

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
	- Đường giao thông nội thôn thôn Hiếu Thiện, xã Phước Ninh (Từ nhà ông Phú Kỳ đến nhà ông Quảng Đại Hiến)	-nt-				
	- Đường giao thông nội thôn thôn Vụ Bồn, xã Phước Ninh (Từ nhà ông Nguyễn Ngà đến nhà đến nhà ông Từ Trung Trạm)	-nt-				
17	Đường giao thông nội thôn xã Phước Diêm, gồm các hạng mục:	-nt-				
	- Đường giao thông nội thôn thôn Thương Diêm 1 xã Phước Diêm (Từ Trụ sở Thôn Thương Diêm 1 đến nhà ông Nguyễn Hoan)	-nt-				
	- Đường giao thông nội thôn thôn Thương Diêm 2, xã Phước Diêm (Từ trạm phát sóng xí nghiệp muối Cà Ná đến nhà bà Đặng Thị Bé; Từ nhà bà Bùi Thị Lây đến nhà ông Nguyễn Huệ)	-nt-				
	- Đường giao thông nội thôn thôn Lạc Sơn 2, xã Cà Ná (từ khu dân cư N10, N11 đến nhà ông Đặng Văn Nhanh; Từ nhà ông Lê Văn Hận đến địa tôm ông Tuấn)	-nt-				
	- Đường giao thông nội thôn thôn Lạc Nghiệp 1, xã Cà Ná (Từ nhà ông Nguyễn Nước đến nhà ông Trần Văn Tèo; Từ nhà bà Nguyễn Thị Lèo đến nhà ông Trương Văn Năm)	-nt-				
	Huyện Ninh Sơn		7.260	7.260		
18	Nối dài đường Tập Lập - Tân Định phục vụ vùng chuyên canh cây mì, xã Hòa Sơn	Huyện Ninh Sơn				
19	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Phú Thạnh, xã Mỹ Sơn (Tuyến đường cấp A từ nhà ông Hùng đến nhà bà Hồng)	-nt-				
20	Xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã Ma Nới	-nt-				
21	Nâng cấp Trạm y tế xã Ma Nới	-nt-				
22	Nâng cấp tuyến kênh từ thôn Do đến thôn Hà Dài, xã Ma Nới	-nt-				
23	Nâng cấp các tuyến kênh xã Lâm Sơn	-nt-				
	Huyện Bắc Ái		34.460	2830	31.630	
24	Đường giao thông nông thôn thôn Ma Hoa, xã Phước Đại (Bê tông các tuyến trong khu dân cư)	Huyện Bắc Ái				
25	Đường giao thông nông thôn thôn Tà Lú 1, xã Phước Đại (Trục đường B23-B24 khu dân cư)	-nt-				
26	Đường giao thông nông thôn thôn Châu Đắc, xã Phước Đại (Bê tông xi măng các tuyến trong khu dân cư)	-nt-				

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
27	Trung tâm văn hóa thể thao xã Phước Đại	-nt-				
28	Đường giao thông nông thôn thôn Núi Rây, xã Phước Chính (Đường từ nhà cộng đồng thôn Núi Rây đi điểm dân cư mới)	-nt-				
29	Trung tâm văn hóa thể thao xã Phước Chính	-nt-				
30	Đường giao thông nông thôn thôn Ma Ty, xã Phước Tân (Tuyến V đi khu vực Suối Cá; Đoạn từ Trạm y tế xã đến hộ ông Sơn; Bê tông xi măng đường liên thôn đi khu vực đi Suối Cá tuyến III và tuyến IV kéo dài; Đoạn từ trường Nguyễn Văn Linh đến hộ ông Sơn)	-nt-				
31	Xây dựng trường mẫu giáo Phước Tân	-nt-				
32	Nối tiếp hệ thống nước sinh hoạt thôn Đá Trắng, xã Phước Tân	-nt-				
33	Điện trung hạ thế tại các khu dân cư dọc theo đường Phước Hòa-Phước Tân và thôn Đá Trắng	-nt-				
34	Đường giao thông nông thôn thôn Bồ Lang, xã Phước Bình (Đường vào khu dân cư Bồ Lang - Gia É)	-nt-				
35	Đường giao thông nông thôn thôn Bạc Rây 2, xã Phước Bình (Bê tông hóa đường giao thông đi khu sản xuất; Đoạn từ Bạc Rây 2 đi khu sản xuất Bồ Lang)	-nt-				
36	Đường giao thông nông thôn và nội đồng thôn Chà Panh, xã Phước Hòa (Đường vào khu sản xuất nội đồng tuyến 2; tuyến 3; tuyến 4; Bê tông đường nội đồng đội 1)	-nt-				
37	Xây dựng Trường mẫu giáo Phước Hòa	-nt-				
38	Trung tâm văn hóa thể thao xã Phước Hòa	-nt-				
39	Đường giao thông nông thôn thôn Trà Co 1, xã Phước Tiến (Tuyến 3)	-nt-				
40	Bê tông nối dài theo đường 21/8 dọc theo sông Trà Co	-nt-				
41	Điện trung hạ thế tại các khu dân cư xã Phước Tiến	-nt-				
42	Đường giao thông nông thôn thôn Ha Lá Hạ, xã Phước Thắng (nối tiếp đường giao thông nông thôn)	-nt-				
43	Đường giao thông nông thôn thôn Ma Oai, xã Phước Thắng (Bê tông nối tiếp đường từ Suối Ale ra tràn)	-nt-				
44	Đường giao thông nông thôn thôn Ma Ty, xã Phước Thắng (Bê tông hóa các trục đường giao thông)	-nt-				
45	Xây dựng trường mẫu giáo Phước Thắng	-nt-				
46	Điện trung hạ thế tại các khu dân cư thôn Hà Lá Hạ, xã Phước Thắng	-nt-				
47	Đường nội đồng từ ruộng Chamaléa Hớ đến ruộng Kator Bào A	-nt-				

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
48	Xây dựng 02 phòng học Trường Mẫu giáo Phước Trung	-nt-				
49	Điện trung hạ thế tại các khu dân cư xã Phước Trung	-nt-				
50	Đường giao thông nông thôn thôn Ma Nai, xã Phước Thành (Tuyến 5 và Tuyến 6)	-nt-				
51	Xây dựng nhà hiệu bộ và phòng học trường TH Phước Thành A, xã Phước Thành	-nt-				
52	Xây dựng 01 phòng học Trường Mẫu giáo Phước Thành, xã Phước Thành	-nt-				
	Huyện Thuận Bắc		13.305	13.305		
53	Trung tâm văn hóa Thể thao xã Phước Kháng	-nt-				
54	Đường giao thông thôn Đá Mài Dưới, xã Phước Kháng	-nt-				
55	Nâng cấp, mở rộng đường từ Đập Bến Nung đến UBND xã Phước Kháng	-nt-				
56	Đường giao thông nông thôn xã Phước Chiến: gồm các hạng mục	-nt-				
	- Bê tông hóa nối liền tuyến đường nội đồng Ma Trai, xã Phước Chiến	-nt-				
	- Bê tông hóa đường nối liền đường Tập Lá đi Suối Nguồn	-nt-				
57	Đường giao thông nông thôn thôn Láng Me, xã Bắc Sơn (Từ nhà ông Phạm Sung đến nhà bà Hứa Thị Ụn)	-nt-				
58	Kiên cố hóa kênh mương vùng cây sung thôn Xóm Bằng, xã Bắc Sơn (đoạn từ ruộng ông Ký đến ruộng ông Tào)	-nt-				
59	Hoàn thiện nhà văn hóa thôn Suối Đá, xã Lợi Hải	-nt-				
60	Bê tông hóa đường vận chuyển nông sản đoạn từ nhà văn hóa thể thao thôn Kiền Kiền 2 đến nhà ông Tô Văn Huệ, xã Lợi Hải	-nt-				
61	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn xã Lợi Hải (đoạn từ đường QH N4 đến nhà ông Khôn)	-nt-				
62	Kiên cố hóa kênh Rẫy Sờ đoạn tiếp giáp kênh N4,5 kéo dài, xã Lợi Hải	-nt-				
63	Trường mẫu giáo xã Công Hải (HM: Xây dựng tường rào, 02 phòng và nhà vệ sinh, cơ sở Suối Giếng)	-nt-				
64	Hoàn thiện nhà văn hóa thôn Bình Tiên, xã Công Hải	-nt-				
65	Đường giao thông thôn Giác Lan, xã Công Hải (đoạn từ công ty đường sắt phía nam đến nhà ông Sờ)	-nt-				
66	Hệ thống loa đài thôn Giác Lan, xã Công Hải	-nt-				

Stt	Danh mục dự án	Đơn vị được giao	Kế hoạch năm 2020		Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước		Vốn nước ngoài
67	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn thôn Mỹ Nhơn, xã Bắc Phong (đoạn từ nhà bà Trần Thị Phó đến nhà ông Đỗ Ngọc Dũng)	-nt-				
68	Trường mẫu giáo Bắc Phong - cơ sở Mỹ Nhơn	-nt-				
	Huyện Ninh Hải		10.780	10.780		
69	Đường giao thông nông thôn, xã Phương Hải	Huyện Ninh Hải				
70	Đường giao thông nông thôn, xã Hộ Hải	-nt-				
71	Đường giao thông nông thôn xã Nhơn Hải	-nt-				
72	Đường giao thông nông thôn, xã Thanh Hải	-nt-				
73	Đường giao thông nông thôn, xã Vĩnh Hải	-nt-				
74	Đường giao thông nông thôn, xã Tân Hải	-nt-				
75	Đường giao thông nông thôn xã Tri Hải	-nt-				
76	Đường giao thông nông thôn, xã Xuân Hải	-nt-				

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh)

Stt	Danh mục	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Công trình đẩy nhanh tiến độ		
1	Hồ chứa nước Sông Than	BQL dự án đầu tư XD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Dự án chuyển tiếp
2	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Ninh Thuận	BQL dự án đầu tư XD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Dự án chuyển tiếp
3	Dự án Môi trường Bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án thành phố Phan Rang – Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	Dự án chuyển tiếp
4	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn - cơ sở 2	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự án chuyển tiếp
	Công trình khởi công mới		
5	Đường đôi vào thành phố (đoạn phía nam)	BQL dự án đầu tư XD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Dự án khởi công mới